SDT	CTCP SÔNG ĐÀ 10		Tỉnh/TP:	Hà Nội	HNX
Ngành:	Công nghiệp		Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cp):		11,651,000
Phân ngành:	Công nghiệp		Giá trị vốn hoá thị trường (tỷ đồng):		771
Hoạt động chính:	Xây dựng công trình công nghiệp		Giá thấp nhất trong 12 tuần (1.000đ):		26.9
			Giá cao nhất trong 12 tuần (1.000đ):		42.0
			KLGD bình quân trong 12 tuần (cp):		158,176

THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q3-09	Q2-09	Q1-09	Q4-08
Tổng tài sản	1,030.2	898.6	828.7	766.4
Tiền mặt	45.8	23.3	52.3	78.5
Đầu tư ngắn hạn	8.0	-	-	-
Khoản phải thu	318.2	296.7	223.1	173.5
Hàng tồn kho	338.4	317.8	299.5	277.9
TSCĐ	225.0	177.9	184.4	172.2
Đầu tư dài hạn	81.5	69.7	57.2	57.2
Nợ ngắn hạn	549.6	479.3	425.4	369.3
Nợ dài hạn	63.6	32.5	24.5	33.3
Vốn chủ sở hữu	414.3	360.7	354.9	340.0
Vốn điều lệ	123.9	117.0	117.0	117.0
Thặng dư vốn	124.8	124.8	124.8	124.8
Lợi nhuận giữ lại	82.3	45.4	60.3	50.1
Cổ đông thiểu số	-	21.8	19.7	20.6

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q3-09	Q2-09	Q1-09	Q4-08
Doanh thu thuần	212.2	218.4	177.9	260.6
Giá vốn	175.2	177.1	144.3	222.2
Chi phí bán hàng	-	-	-	-
Chi phí QLDN	10.9	11.9	9.5	10.2
EBIT	26.1	29.4	24.0	28.2
Chi phí tài chính	4.2	3.7	3.9	13.9
Doanh thu tài chính	4.0	1.3	0.2	1.2
Lợi nhuận khác	0.2	4.2	0.0	0.4
Lợi nhuận trước thuế	26.0	31.7	20.3	15.9
Lợi nhuận sau thuế	21.5	26.0	16.7	12.2
Dòng tiền thuần	-	-	-	(2.2)
Dòng tiền SXKD	-	-	-	78.2
Dòng tiền đầu tư	-	-	-	(121.3)
Dòng tiền tài chính	-	-	-	40.9

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q3-09	Q2-09	Q1-09	Q4-08
Cơ cấu vốn				
TSNH/TTS	0.70	0.72	0.71	0.70
Đầu tư/TTS	0.09	0.08	0.07	0.07
Giá trị sổ sách (BV)	35.6	31.0	30.5	29.1
Khả năng hoạt động				
Tiền mặt/CP	3,931	1,997	4,486	6,706
Dòng tiền KD/CP	-	-	-	6,687
KNTT hiện hành	1.31	1.35	1.37	1.45
Phải thu/Dthu	95.7%	91.1%	83.7%	62.9%
Phải trả/Gvốn	76.5%	61.7%	4.7%	31.1%
Hiệu quả hoạt động				
ROE	5.2%	7.2%	4.7%	3.6%
ROA	2.5%	3.3%	2.9%	3.7%
ROS	12.3%	13.5%	13.5%	10.8%
EPS (đ/CP)	1,845	2,233	1,431	1,043
Thuế suất TNDN	6.7%	11.4%	11.5%	7.3%
Tăng cùng kỳ				
Doanh thu	6.2%	56.3%	128.1%	37.8%
EBIT	-22.1%	28.1%	140.0%	19.6%
Lợi nhuận ST	-0.1%	239.2%	141.4%	-46.9%
Tăng kỳ trước				
Doanh thu	-2.9%	22.8%	-31.8%	30.4%
EBIT	-11.2%	22.2%	-14.9%	-15.7%
Lợi nhuận ST	-17.4%	56.0%	36.7%	-43.3%
% hoàn thành KH				
Doanh thu	60.3%	62.1%	50.6%	#DIV/0!
Lợi nhuận	33.8%	40.9%	26.2%	#DIV/0!

SO SÁNH CÁC CÔNG TY CÙNG NGÀNH

Chỉ tiêu	SDT	SD9	SDD	SDJ
Tổng tài sản	1,030.2	1,171.9	91.7	272.7
Vốn điều lệ	123.9	150.0	43.0	36.8
Thặng dư vốn cp	124.8	19.8	8.4	-
Kế hoạch 2009				
Doanh thu	351.8	545.5	47.3	339.3
Lợi nhuận	63.5	42.8	3.4	15.0
EPS (đ/CP)	5,453	2,850	786	4,081
Cổ tức (đ/CP)	2,000	1,500	1,200	1,600
Thực hiện 2009				
Doanh thu	608.5	446.8	23.7	147.1
Lợi nhuận	64.2	61.3	1.7	2.7
EPS (đ/CP)	5,509	4,086	398	726
ROE	15.5%	21.2%	3.1%	5.0%
ROA	7.7%	8.3%	3.3%	2.5%
ROS	13.1%	21.9%	12.8%	4.7%
BV (1,000 đ)	35.6	19.3	12.9	14.4
P (giá hiện tại)	66.2	67.5	28.0	26.7
P/E 4 quý	10.10	12.08	55.46	19.96
P/BV	1.86	3.51	2.17	1.85
Tiền mặt/CP	3,931	2,679	96	3,728
Dòng tiền/CP	-	-	-	-
Tăng DThu kỳ trước	-2.9%	12.4%	72.5%	6.5%
Tăng EBIT kỳ trước	-11.2%	25.0%	56.3%	-10.5%
Tăng LNST kỳ trước	-17.4%	29.9%	68.2%	220.6%
Tỷ lệ sở hữu ĐTNN	0.9%	1.6%	0.2%	5.7%
% hoàn thành DT	173.0%	81.9%	50.1%	43.4%
% hoàn thành LN	101.0%	143.4%	50.7%	17.8%

Công ty Cổ phần Sông Đà 10 Tiền thân là Công ty Xây dựng Công trình Ngầm thành lập năm 1981. Năm 2005 chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thi công hầm, khoan nổ, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng. Đặc biệt, Công ty là đơn vị đi đầu trong việc hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và triển khai áp dụng các công nghệ mới như đào hầm NATM, đào hầm toàn diện bằng thiết bị TBM. Công ty đã tham gia thi xây dựng các công trình lớn của Quốc gia như nhà máy thủy điện Hòa Bình, thủy điện Yaly, thủy điện Sông Hinh, hầm đường bộ qua đèo Hải Vân- chiều dài 6,7 km, đường Hồ Chí Minh...

SDT là doanh nghiệp số 1 Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm và là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Tổng công ty Sông Đà. Kết quả hoạt động kinh doanh của SDT tương đối đồng đều và ổn định qua các năm, tuy nhiên năm 2008 SDT đã không hoàn thành được kế hoạch lợi nhuận đề ra do thị trường chứng khoán sụt giảm SDT phải trích lập 21.65 tỷ đồng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn của mình. Tuy nhiên 3 quý đầu năm 2009, SDT đã có kết quả kinh doanh khá tốt, lợi nhuận đạt cao hơn tất cả các năm trước đó. 3 Q – 09, doanh thu của SDT là 608.5 tỷ đồng (hoàn thành 173% kế hoạch năm), lợi nhuận đạt 64.2 tỷ đồng (hoàn thành 101% kế hoạch năm). Trong quý 4 lợi nhuận của SDT được kỳ vọng là có tăng trưởng đột biến. Cơ cấu lợi nhuận của SDT chủ yếu là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính mang lại.

Nhìn chung SDT có tình hình tài chính lành mạnh, các chỉ tiêu tài chính đều khá tốt. Tài sản ngắn hạn của SDT chiếm tỷ trọng khá cao (trên 70%), chủ yếu là khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho. Vốn chủ sở hữu trung bình chiếm trên 40% tổng nguồn vốn, Các khoản vay nợ ngắn hạn và vay nợ dài hạn cuối quý trên 227 tỷ đồng.

Khả năng thanh toán hiện hành lớn hơn 1, tuy nhiên do tỷ trọng tiền mặt thấp, hàng tồn kho nhiều nên khả năng thanh toán nhanh và tức thời đều nhỏ hơn 1. Các chỉ số về khả năng sinh lời của SDT đều cao hơn các doanh nghiệp trong ngành được so sánh tuy nhiên thấp hơn SD9. EPS 3 quý của SDT cao nhất (5.509 đồng).

Hiện nay EPS 3 quý của SDT là 5.509, EPSf theo ước tính của chúng tôi khoảng 9.000 – 10.000 đồng, với mức giá hiện tại là 66.200 đồng thì P/E 3 quý của SDT 12.01, EPS f năm 2009 là 6.5 - 7.5x. BV hiện nay của SDT khá cao trên 35.600 đồng. SDT là cổ phiếu khá hấp dẫn để thực hiện đầu tư tại thời điểm này.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG: Báo cáo này được thực hiện vào tháng 11-2009, bởi Phòng Phân tích- Công ty cổ phần chứng khoán An Bình. Các ý kiến và nhận định của ABS đưa ra tại báo cáo này dựa trên hiểu biết và thông tin ABS có được và chỉ mang tính chất khuyến nghị. ABS không chịu trách nhiệm về quyết định và kết quả đầu tư của những người nhận được bản báo cáo này và không có trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ khoản thua lỗ của khách hàng do thực hiện hoạt động đầu tư.